TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/HS-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Trần Việt A**, sinh ngày 20/11/1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 19-20, phường T, thành phố T1, tỉnh T1. Chỗ ở: số nhà 33, đường Q, tổ 06, phường T, thành phố T1, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T2 và bà Phạm Thị L.

Tiền án: Không

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 10/2021/QĐ-TA ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T1 đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 01 năm 03 tháng, đã chấp hành xong ngày 08/5/2022.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/7/2022, đến ngày 30/7/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

2. **Lê Xuân D**, sinh ngày 27/02/1986; Nơi cư trú: thôn T3, xã M, huyện Đ, tỉnh T1; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Xuân D1 và bà Bùi Thị N; Có vợ là Vi Thị B và có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Không

Tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 08/2020/QĐ-TA ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng, đã chấp hành xong ngày 26/6/2022.

Nhân thân:

- Quyết định số 3940/UBND-QĐCT ngày 29/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T1 về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng do nhiều lần trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 24/12/2007.

- Bản án số 64/2018/HSST ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh T1 xử phạt Lê Xuân D 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/12/2019, chấp hành xong án phí ngày 17/01/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Anh Trần Văn Đ1, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà 53, đường N1, tổ 16, phường Q1, thành phố T1, tỉnh T1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Văn C, sinh năm: 1981 (có mặt)

Trú tại: thôn A1, xã T4, huyện V, tỉnh T1.

Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Trú tại: số nhà 33, đường Q, tổ 06, phường T, thành phố T1, tỉnh T1.

- Anh Phạm Văn T5, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Trú tại: thôn T6, xã T7, huyện H, tỉnh T1.

- Anh Nguyễn Thành C1, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Trú tại: thôn T3, xã M, huyện Đ, tỉnh T1.

- Anh Vũ Anh T8, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Trú tại: số nhà 04, tổ 09, phường K, thành phố T1, tỉnh T1.

- Anh Nguyễn Tất T9, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Trú tại: thôn A2, xã T10, huyện K1, tỉnh T1.

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Trú tại: thôn T11, xã L1, huyện Đ, tỉnh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/7/2022, Trần Việt A điều khiển xe đạp điện đến khu vực trước cửa số nhà 53 đường N1, tổ 16, phường Q1, thành phố T1 thì phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Kia morning màu xám bạc, biển kiểm soát 17A-149.21 của anh Trần Văn Đ1 đang đỗ trên vỉa hè, cửa xe bên ghế lái chưa khóa chặt, đèn bên trong xe vẫn sáng. Thấy trên đường không có ai qua lại, không có người trông coi xe nên A mở cửa xe ô tô kiểm tra thấy màn hình sau vô lăng sáng điện, chìa khóa vẫn cắm tại ổ khóa. A khép cửa xe lại như lúc đầu rồi điều khiển xe đạp điện đi về nhà. Trên đường về, A nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe ô tô trên đem bán lấy tiền tiêu xài nhưng do chưa có chỗ bán nên A đã sử dụng tài khoản Messenger có tên "Tran Viet A" liên lạc đến tài khoản Messenger của Lê Xuân D, có tên là "Lạc Trôi" để hỏi D chỗ tiêu thụ xe ô tô. D hiểu A hỏi vậy để chắc chắn có nơi tiêu thụ chiếc xe ô tô thì A mới lấy trộm. D đồng ý để A yên tâm.

Sau khi đặt vấn đề với D và biết được sẽ có chỗ để tiêu thụ xe ô tô. Khoảng 01 giờ 55 phút cùng ngày, A thuê xe taxi từ nhà đến đường N1. Trên đường đi A gọi điện cho D và hỏi D đang ở đâu. D nói với A là đang ở Nhà nghỉ H2 và chỉ đường, gửi vị trí của D cho A biết. Tại thời điểm này để chắc chắn có chỗ bán xe, A tiếp tục nhắn tin cho D "OK an toàn đấy em mới dám nhảy". D hiểu ý của A và đã nhắn tin lại "OK". Khi xe taxi chở A đi đến cách số nhà 53 đường N1 khoảng 50 mét thì A yêu cầu lái xe dừng xe để xuống. Sau đó A cởi áo phông đang mặc trên người ra trùm vào đầu rồi đi bộ lại gần chiếc xe ô tô 17A - 149.21, quan sát thấy không có người xung quanh, A mở cửa xe ngồi vào ghế lái rồi dùng chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa nổ máy xe, điều khiển xe đi về hướng cầu C2 ra đường Q1, thành phố T1. Đến khoảng 02 giờ 07 phút, A gọi điện cho D thông báo đã lấy trộm được xe ô tô và đang trên đường đi xuống chỗ D. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, A đến cửa Nhà nghỉ H2 và gọi điện cho D xuống đi bán xe, D đồng ý. D rủ T8 và T9 đi cùng xuống khu vực cửa nhà nghỉ. Tại đây D nhìn thấy A điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia moning màu xám bạc, có đeo biển số 17A-149.21. D biết đây là chiếc xe ô tô A vừa trộm cắp được. D rủ T8 và T9 cùng lên xe ô tô, A là người lái xe. Trên xe ô tô D bảo A

điều khiển xe sang Hải Phòng để bán. Lúc này biết chiếc xe ô tô là tài sản trộm cắp và đang trên đường đi tiêu thụ, thì T8 và T9 không đồng ý đi cùng và bảo A chở quay về Nhà nghỉ H2. Khi về đến nhà nghỉ thì T8 và T9 lên phòng. D và A đỗ xe gần Nhà nghỉ H2 ngồi nói chuyện với nhau thì bị lực lượng Công an huyện Đ, tỉnh T1 kiểm tra đưa về trụ sở để làm việc.

Bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐGTS ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Trị giá 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia morning sản xuất năm 2015 tại thời điểm định giá ngày 27/7/2022 là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Bị hại là anh Trần Văn Đ1 đã nhận lại tài sản là 01 ô tô nhãn hiệu Kia Moring màu xám bạc, biển kiểm soát: 17A-149.21, 01 ví da màu đen bên trong có: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 17A-149.21 tên chủ xe Vũ Văn C, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Techcombank, 01 thẻ ngân hàng Pvcombank đều mang tên Trần Văn Đ1, 01 ví da màu nâu bên trong có: 01 giấy kiểm định xe ô tô biển số 17A-149.21, 01 bản phô tô căn cước công dân, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu đều mang tên Vũ Văn C, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô biển số 17A-149.21 mang tên Vũ Văn N2, 01 chìa khóa ô tô loại điều khiển từ xa, vỏ bằng nhựa màu đen có in chữ "Kia" và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Bản Cáo trạng số 208/CT-VKSTPTB ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Trần Việt A và Lê Xuân D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt:

Bị cáo Trần Việt A mức án từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 27/7/2022.

Bị cáo Lê Xuân D mức án từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu cam, đã qua sử dụng quản lý của bị cáo A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng quản lý của bị cáo D có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy đối với 01 áo phông ngắn tay có hoa văn rằn ri, 01 quần soóc màu đen là tài sản của A, đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 17B1-825.69 mang tên Hoàng Thị H2.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/7/2022, Trần Việt A điều khiển xe đạp điện đến khu vực trước cửa số nhà 53 đường N1, tổ 16, phường Q1, thành phố T1, tỉnh T1 thì phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Kia morning màu xám bạc, biển kiểm soát 17A-149.21 của anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1992, trú tại địa chỉ trên đang đỗ trên vỉa hè, cửa xe bên ghế lái chưa khóa chặt, đèn bên trong xe vẫn sáng, không có người trông coi. Nhưng

do chưa có chỗ để bán nên A đã sử dụng tài khoản mạng xã hội Messenger của mình là "Tran Viet A" liên lạc đến tài khoản Messenger của Lê Xuân D là "Lạc Trôi" để hỏi D chỗ tiêu thụ xe ô tô, D đồng ý. Sau đó, A quay lại trước cửa số nhà 53, đường N1, tổ 16, phường Q1, thành phố T1, tỉnh T1, điều khiển xe ô tô đi đến Nhà nghỉ H2, ở thôn T11, xã L1, huyện Đ, tỉnh T1 để đón Lê Xuân D đi tìm nơi tiêu thụ chiếc xe ô tô trên thì bị cơ quan Công an phát hiện. Trị giá chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia morning màu xám bạc, biển kiểm soát 17A- 149.21 là: 210.000.000 đồng.

Hành vi trên của Trần Việt A và Lê Xuân D đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Các bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học, không rèn luyện bản thân trở thành người công dân có ích cho xã hội mà còn vi phạm pháp luật.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Tội phạm thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Việt A là người khởi xướng và là người tích

cực, chủ động thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo A giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo Lê Xuân D là người giúp sức cho bị cáo A.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Ngày 12/8/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã trả lại cho bị hại 01 ô tô nhãn hiệu Kia Moring màu xám bạc, biển kiểm soát: 17A-149.21, 01 ví da màu đen bên trong có: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 17A-149.21 tên chủ xe Vũ Văn C, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ngân hàng Techcombank, 01 thẻ ngân hàng Pvcombank đều mang tên Trần Văn Đ1, 01 ví da màu nâu bên trong có: 01 giấy kiểm định xe ô tô biển số 17A-149.21, 01 bản phô tô căn cước công dân, 01 bản phô tô sổ hộ khẩu đều mang tên Vũ Văn C, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe ô tô biển số 17A-149.21 mang tên Vũ Văn N2, 01 chìa khóa ô tô loại điều khiển từ xa, vỏ bằng nhựa màu đen có in chữ "Kia". Anh Trần Văn Đ1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì nên trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu cam, số Imei: 868360058658666, 86836058658674 đã qua sử dụng quản lý của bị cáo A và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số Imei 865222043781156 đã qua sử dụng quản lý của bị cáo D có liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 áo phông ngắn tay có hoa văn rằn ri, 01 quần soóc màu đen là tài sản của A, đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 17B1-825.69 mang tên Hoàng Thị H2. Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Duy K2, sinh năm 1995, trú tại thôn C3, xã P, huyện T12, tỉnh T1 có mua lại của chị Hoàng Thị H2, sinh năm 1989, trú tại xã T13, huyện T12, tỉnh T1 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty màu trắng, biển số 17B1-825.69 mang tên chị H2. Vì bị mất đăng ký xe nên ngày 21/6/2021, anh Khánh và chị H2 đã thực hiện thủ tục sang

tên và đăng ký lại xe này mang tên Nguyễn Duy K2. Do không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 17B1-825.69 mang tên Hoàng Thị H2.

[10] Đối với Vũ Anh T8 và Nguyễn Tất T9 là người đi cùng D và A mang xe ô tô đi tiêu thụ nhưng không biết xe do trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Việt A 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 27/7/2022.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Xuân D 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu cam, số Imei: 868360058658666, 86836058658674 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, số Imei 865222043781156 đều đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo phông ngắn tay có hoa văn rằn ri, 01 quần soóc màu đen, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 17B1-825.69 mang tên Hoàng Thị H2.

(Vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/12/2022).

4. Về án phí: Các bị cáo Trần Việt A và Lê Xuân D, mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lý